

STATUS OF EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS' COMPETENCY IN ASSESSING EARLY CHILDHOOD DEVELOPMENT AT SOME UNIVERSITIES IN VIETNAM

Tran Thi Thanh Tuyen*¹, Duong Thi Kim Oanh²

* Corresponding author
Email: tuyenttt.ncs@hcmute.edu.vn

¹ PhD student at Institute of Technical of Education,
Ho Chi Minh City University of Technology
and University

² Email: oanhdtk@hcmute.edu.vn
Ho Chi Minh City University of Technology
and Education
No.01 Vo Van Ngan, Thu Duc city,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 15/7/2024
Revised: 22/8/2024
Accepted: 09/11/2024
Published: 25/01/2025

Abstract: The competency to assess the development of children is a crucial professional competency within the standards for early childhood teachers. Thus, evaluating the assessment capabilities of early childhood education students is essential for improving the quality of teacher training programs. This study utilizes a comprehensive literature review method to analyze relevant research on children's developmental assessment and the competency in assessing child development of students. In addition, a survey was conducted using questionnaires distributed to 19 lecturers teaching courses in child psychology, early childhood education, and educational assessment, as well as to 478 third- and fourth-year students from three major pedagogical universities in Vietnam (Ho Chi Minh City University of Education, Hue University of Education, and Hanoi National University of Education). In-depth interviews with select lecturers and students were also carried out. Data analysis indicates that the current status of students' competencies in assessing children's development is at a moderate level. Moreover, these competencies are associated with various factors such as years of study, average grades, and the universities attended by the students. The findings of this study provide a foundation for future research aimed at developing strategies to enhance the assessment competencies of early childhood education students.

Keywords: Competence, assessing childhood development, early childhood education students, competency in assessing child development, lecturers.

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN TRẺ EM MẦM NON CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Trần Thị Thanh Tuyền*¹, Dương Thị Kim Oanh²

* Tác giả liên hệ
Email: tuyenttt.ncs@hcmute.edu.vn

¹ Nghiên cứu sinh, Viện Sư phạm Kỹ thuật,
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh

² Email: oanhdtk@hcmute.edu.vn
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh
Số 01 Võ Văn Ngán, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 15/7/2024
Chỉnh sửa xong: 22/8/2024
Chấp nhận đăng: 09/11/2024
Xuất bản: 25/01/2025

Tóm tắt: Năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ là một trong những năng lực nghề nghiệp thuộc chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Do đó, xác định năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non là một trong những cơ sở quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu tổng quan có liên quan đến đánh giá sự phát triển của trẻ và năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên. Ngoài ra, phương pháp khảo sát thực trạng bằng bảng hỏi đối với 19 giảng viên dạy các học phần tâm lý trẻ em, giáo dục học mầm non, đánh giá trong giáo dục mầm non và 478 sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 của 3 trường Đại học Sư phạm trọng điểm tại Việt Nam (Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), phương pháp phỏng vấn sâu một số giảng viên và sinh viên. Phân tích dữ liệu cho thấy, thực trạng năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên đạt mức độ trung bình. Bên cạnh đó, năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ còn có mối tương quan với các yếu tố như số năm học, điểm trung bình và trường mà sinh viên đang theo học. Kết quả của nghiên cứu là cơ sở cho những đề tài tiếp theo xây dựng biện pháp phát triển năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

Từ khóa: Năng lực, đánh giá sự phát triển của trẻ, sinh viên ngành Giáo dục mầm non, năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ, giảng viên.

1. Đặt vấn đề

Nhằm góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, nhấn mạnh đến mục đích đánh giá, phẩm chất, năng lực của đội ngũ giáo viên nói chung và giáo viên mầm non nói riêng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non bao gồm 05 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí, trong đó đánh giá sự phát triển của trẻ là một trong những năng lực nghề nghiệp cốt lõi của người giáo dục mầm non. Năng lực này đòi hỏi giáo viên mầm non cần phải có thay đổi trong cách thức đánh giá trẻ tại trường mầm non như: Mục tiêu đánh giá không chỉ chú trọng tới kiến thức, kĩ năng mà còn hướng tới các năng lực bên trong của trẻ như: Sự tò mò, hứng thú, cách giải quyết vấn đề, ý tưởng của trẻ... Nội dung đánh giá đa dạng và toàn diện các lĩnh vực phát triển của trẻ bao gồm: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ. Sử dụng đa dạng phương pháp và hình thức đánh giá trẻ. Thông tin đánh giá được thu thập đa chiều từ giáo viên, phụ huynh, trẻ tự đánh giá trẻ, trẻ đánh giá lẫn nhau. Giáo viên mầm non có năng lực quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ sẽ góp phần quan trọng vào việc lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ, đồng thời cung cấp thông tin phản hồi kịp thời với cha mẹ của trẻ (Wixson, J, 2021; Peterson, G. & Elam, E, 2020). Trên thế giới và ở Việt Nam đã có nghiên cứu lí luận về khung năng lực dành cho giáo viên, sinh viên ngành Giáo dục mầm non và nghiên cứu thực tiễn về thực trạng hoạt động đánh giá sự phát triển của trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; U.S. Department of Health and Human Services, Administration for Children and Families, Office of Head Start, 2019; North Dakota Department of Human Services; Office of Early Childhood Development, Virginia Department of Social Services, 2008; UNESCO and SEAMEO, 2018; National Association for the Education of Young Children, 2020; Lê Thị Thanh Thảo, 2023; Vương Thị Luận, 2015; GOZUM, A. I. C., Gungor, S., & ALTINKAYNAK, S. O, 2021). Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu sâu để đánh giá thực trạng năng lực

đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên tại một số trường đại học ở Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu là cơ sở để các nhà giáo dục, cơ sở đào tạo xác định năng lực đánh giá trẻ thành phần nào sinh viên còn hạn chế từ đó điều chỉnh kế hoạch dạy học nhằm phát triển năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ cho sinh viên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: Tổng hợp và phân tích tài liệu liên quan đến đánh giá sự phát triển của trẻ và năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên.

Phương pháp nghiên cứu thực trạng: Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn.

Phương pháp bảng khảo sát bảng hỏi: Nghiên cứu được thực hiện tại ba trường trọng điểm đại diện cho ba miền: miền Nam, miền Trung và miền Bắc của Việt Nam có đào tạo sinh viên ngành Giáo dục mầm non để thực hiện khảo sát: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số lượng mẫu khảo sát sinh viên được tính theo công thức (Yamane, T, 1967):

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Số phiếu phát ra là 1456 phiếu dành cho sinh viên. Số mẫu thu vào 814 sinh viên, sau khi kiểm tra có 336 phiếu không hợp lệ. Do đó, nghiên cứu lựa chọn giữ lại 478 sinh viên để xử lí và phân tích. Đối với giảng viên, chúng tôi lựa chọn 19 giảng viên giảng dạy các học phần Tâm lí trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non và Đánh giá trong giáo dục mầm non. Nội dung phiếu khảo sát gồm hai phần: Phần 1 - Thông tin của giảng viên (Nơi công tác, thâm niên, học hàm) và thông tin của sinh viên (Năm học của sinh viên, trường, điểm trung bình chung). Phần 2 - Câu hỏi khảo sát xoay quanh các mức độ đạt được về năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên và thang đo Likert 5 mức độ tốt, khá, trung bình, yếu, kém. Câu hỏi dành cho giảng viên và sinh viên được thực hiện dưới hình thức Google Form vào học kì II năm học 2023 - 2024.

Bảng 1: Ý nghĩa các khoảng điểm trung bình thang đo

1 đến 1.8	1.8 đến 2.6	2.61 đến 3.4	3.4 đến 4.2	4.2 đến 5
Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt

Quy ước điểm cho mỗi mức độ như sau: Mức 1: điểm 1, Mức 2: điểm 2, Mức 3: điểm 3, Mức 4: 4 điểm, Mức 5: 5 điểm.

Cách tính điểm: Giá trị khoảng cách $= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5 - 1) / 5 = 0.8$ (xem Bảng 1).

Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp 03 giảng viên và 09 sinh viên năm thứ ba học học phần Đánh giá sự phát triển của trẻ tại ba trường đại học để bổ sung thông tin cho kết quả định lượng.

Phương pháp xử lý số liệu: Sử dụng phần mềm SPSS 20 để phân tích tần suất, giá trị trung bình, phân tích độ tin cậy (Conbach's Alpha Index), Independent Samples Test, ANOVA.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Khung lý thuyết về năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

a. Một số khái niệm cơ bản

Theo Từ điển Tiếng Việt (2015): “Năng lực” là “Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó”. Năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng để thực hiện thành công một loại công việc trong một bối cảnh nhất định, bao gồm ba thành tố là kiến thức, kĩ năng và thái độ, được phân hai loại: 1/ Nhóm Năng lực chung là những năng lực cơ bản cần thiết mà bất cứ người nào cũng cần phải có để sống và học tập, làm việc; 2/ Nhóm năng lực đặc thù thể hiện trên từng lĩnh vực khác nhau như năng lực đặc thù môn học là năng lực được hình thành và phát triển do đặc điểm của môn học đó tạo nên (Trần Khánh Đức, 2014). Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non khái niệm năng lực như sau: “Năng lực là khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ của giáo viên” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trong nghiên cứu này, năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên được hiểu là khả năng thực hiện đánh giá quá trình học, phát triển toàn diện của trẻ và đưa ra quyết định dạy học phù hợp với từng cá nhân trẻ có hiệu quả của sinh viên.

b. Vai trò của năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non và các chuyên gia (giáo viên, nhân viên chăm sóc trẻ, bác sĩ, nhà trị liệu và nhà nghiên cứu): Sinh viên nhận thức rõ ràng về sự phát triển của trẻ bao gồm thể chất, nhận thức, tình cảm, xã hội và thẩm mỹ; hiểu về những đứa trẻ có hành vi đặc biệt; đánh giá cũng có thể giúp sinh viên hiểu rõ hơn các lĩnh vực phát triển khác nhau có quan hệ với nhau như thế nào; đánh giá giúp sinh

viên nhận ra những hành vi nào là điển hình của các nhóm tuổi khác nhau (Clark và cộng sự, 2012). Đánh giá sự phát triển của trẻ giúp định hướng chất lượng giáo dục, cung cấp phản hồi về sự phát triển cho trẻ, xác định nhu cầu học tập của trẻ, xây dựng mối quan hệ hợp tác với phụ huynh và nâng cao các năng lực chuyên môn khác (Gullo, D. F, 2005; Dubiel, J, 2016). Dựa trên kết quả đánh giá, các nhà giáo dục mầm non lập kế hoạch giảng dạy, báo cáo tiến độ, đánh giá chương trình giảng dạy và cách giao tiếp với gia đình trẻ (Wortham và cộng sự, 2020).

Tóm lại, đánh giá sự phát triển của trẻ được coi là một nhiệm vụ chuyên môn quan trọng đối với các nhà giáo dục mầm non. Do đó, điều bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non là phải có năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ.

c. Cấu trúc năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Dựa trên các nghiên cứu về khung năng lực của giáo viên mầm non về đánh giá sự phát triển của trẻ ở các nước trên thế giới như: Mĩ, Anh... và các nước ở khu vực Đông Nam Á cho thấy có những điểm tương đồng. Các khung năng lực này đã nhấn mạnh đến đánh giá sự phát triển của trẻ là một trong những năng lực cốt lõi của giáo viên mầm non. Để xác định cấu trúc năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ, bài báo dựa theo hai cách tiếp cận: Dựa vào khung năng lực của giáo viên mầm non, sinh viên trên thế giới và ở Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; U.S. Department of Health and Human Services, Administration for Children and Families, Office of Head Start, 2019; North Dakota Department of Human Services; Office of Early Childhood Development, Virginia Department of Social Services, 2008; UNESCO and SEAMEO, 2018; National Association for the Education of Young Children, 2020) và quy trình đánh giá sự phát triển của trẻ (Wixson, J, 2021; McAfee, O., & Leong, D, 2007; Brodie, K, 2013). Từ đó, bài viết đề xuất bốn thành tố của cấu trúc năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên như sau: 1) Lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ; 2) Thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được; 3) Sử dụng kết quả đánh giá; 4) Thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh.

d. Tiêu chí và thang đo đánh giá năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Bộ tiêu chí được xây dựng dựa trên thang đo 5 mức độ và 4 thành tố của cấu trúc năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên (xem Bảng 2).

Bảng 2: Tiêu chí đánh giá năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Tiêu chí		Mức độ				
		Kém 1-1.8	Yếu 1.81-2.6	Trung bình 2.61-3.4	Khá 3.41-4.2	Tốt 4.21-5
1. Lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ	Xác định được các yếu tố của kế hoạch đánh giá	Không xác định được mục tiêu, đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá.	Xác định mục đích mục tiêu, đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá. Tuy nhiên, mối tương quan giữa các yếu tố chưa phù hợp 30-50% mục tiêu chưa đạt yêu cầu, chưa xác định được đối tượng, địa điểm, thời gian quan sát và đánh giá.	Xác định mục đích mục tiêu, đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá. Tuy nhiên, mối tương quan giữa các yếu tố chưa phù hợp. Trên 50% mục tiêu đánh giá rõ ràng, sử dụng động từ để viết mục tiêu nhưng chưa chính xác.	Xác định mục đích mục tiêu, đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá. Tuy nhiên, vẫn còn một số lỗi về sự phù hợp giữa các nội dung. Từ 80% mục tiêu có sử dụng động từ, lựa chọn động từ phù hợp và sắp xếp các mục tiêu từ dễ đến khó.	Xác định mục đích mục tiêu, đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá. Các yếu tố có sự tương quan chặt chẽ với nhau Tất cả các mục tiêu đánh giá rõ ràng, có sử dụng động từ đánh giá phù hợp và sắp xếp các mục tiêu từ dễ đến khó.
	Thiết kế công cụ quan sát và đánh giá	Lựa chọn công cụ không phù hợp với mục tiêu đánh giá. Chưa vận dụng kiến thức vào xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu.	Lựa chọn công cụ tương đối phù hợp với mục tiêu đánh giá, chưa vận dụng kiến thức vào xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu.	Lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu đánh giá, chưa vận dụng kiến thức vào xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu.	Lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu đánh giá, vận dụng kiến thức vào xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu.	Lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu đánh giá, vận dụng linh hoạt kiến thức vào xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu.
	Thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được	Thực hiện quan sát, ghi chép	Chưa thực hiện quan sát, ghi chép khách quan, khoa học.	Thực hiện quan sát nhưng ghi chép chưa khách quan, khoa học.	Thực hiện quan sát, ghi chép tương đối khách quan, khoa học.	Thực hiện quan sát, ghi chép khách quan, khoa học.
	Sử dụng công cụ để thu thập thông tin	Chưa sử dụng công cụ thu thập thông tin đúng cách, hiệu quả, và không xử lý được thông tin.	Chưa sử dụng công cụ thu thập thông tin đúng cách, hiệu quả, khó khăn trong quá trình thu thập và xử lý thông tin.	Sử dụng công cụ thu thập thông tin đúng cách, nhưng còn khó khăn trong quá trình thu thập và xử lý thông tin.	Sử dụng công cụ thu thập thông tin đúng cách, hiệu quả.	Sử dụng công cụ thu thập thông tin đúng cách, hiệu quả, linh hoạt.
	Giải thích thông tin đánh giá thu được	Chưa biết xử lý, giải thích thông tin đánh giá.	Xử lý, giải thích thông tin chủ quan, dựa vào kinh nghiệm cá nhân.	Xử lý, giải thích thông tin so sánh với kết quả đánh giá nhưng chưa kiểm tra các yếu tố ảnh hưởng.	Xử lý, giải thích thông tin đánh giá, so sánh với kết quả đánh giá và kiểm tra các yếu tố ảnh hưởng những chưa đầy đủ.	Xử lý, giải thích thông tin đánh giá rõ ràng, so sánh với kết quả đánh giá và kiểm tra đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng.

Tiêu chí		Mức độ				
		Kém 1-1.8	Yếu 1.81-2.6	Trung bình 2.61-3.4	Khá 3.41-4.2	Tốt 4.21-5
3. Sử dụng kết quả đánh giá	Lập kế hoạch giáo dục phù hợp	Chưa sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch phù hợp với từng cá nhân trẻ.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhưng chưa thể hiện trên nhiều yếu tố của quá trình dạy học, chưa kịp thời.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục chưa cụ thể.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch phù hợp với từng cá nhân trẻ.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch phù hợp với nhu cầu, hứng thú, kĩ năng và hành vi của trẻ kịp thời, dựa trên nhiều yếu tố của quá trình dạy học.
	Điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học	Chưa sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học cho phù hợp.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học nhưng chưa đầy đủ, chưa hệ thống.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học đầy đủ, nhưng chưa hệ thống.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học tương đối đầy đủ, hệ thống.	Sử dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học đầy đủ, hệ thống, đa dạng.
4. Thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp	Lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ phía phụ huynh	Chưa lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ phía phụ huynh.	Tiếp thu ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh nhưng chưa vận dụng vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ hiệu quả.	Tiếp thu ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh nhưng vận dụng chưa linh hoạt vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ hiệu quả.	Tiếp thu ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh và chia sẻ kết quả quan sát trẻ về nhu cầu, hứng thú để lập kế hoạch dạy học phù hợp.	Sử dụng các phương pháp thu thập thông tin có hệ thống về hứng thú, điểm mạnh, điểm yếu của trẻ từ đó xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp.
	Chia sẻ thông tin đánh giá	Chưa thông báo kết quả đánh giá đến đủ các bên liên quan.	Thông báo kết quả đánh giá chưa đến đủ các bên liên quan, nội dung thông báo chưa đầy đủ.	Thông báo kết quả đánh giá đến đủ các bên liên quan, nhưng nội dung chưa đầy đủ để mỗi bên liên quan góp phần hỗ trợ sự phát triển của trẻ.	Thông báo kết quả đánh giá đến đủ các bên liên quan, nội dung tương đối đầy đủ để mỗi bên liên quan có thể góp phần hỗ trợ sự phát triển của trẻ.	Thông báo kết quả đánh giá đến đủ các bên liên quan, nội dung đầy đủ, rõ ràng để mỗi bên liên quan có thể góp phần hỗ trợ sự phát triển của trẻ.

Bảng 3: Thang đo mức độ năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên

Mức độ	Biểu hiện
Tốt	<p>Phối hợp tốt các bên liên quan để lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ và thiết kế công cụ đánh giá trẻ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp, công cụ vào đánh giá sự phát triển của trẻ.</p> <p>Vận dụng linh hoạt kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ, điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức dạy học.</p> <p>Chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ rất hiệu quả.</p>

Mức độ	Biểu hiện
Khá	Phối hợp khá tốt các bên liên quan để lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ và thiết kế công cụ đánh giá trẻ. Vận dụng khá tốt các phương pháp, công cụ vào đánh giá sự phát triển của trẻ. Vận dụng khá tốt kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ Chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ khá hiệu quả.
Trung bình	Phối hợp các bên liên quan để lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ và thiết kế công cụ đánh giá trẻ nhưng chưa đầy đủ. Vận dụng các phương pháp, công cụ vào đánh giá sự phát triển của trẻ nhưng chưa đa dạng. Vận dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhưng chưa phù hợp với trẻ. Chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ nhưng chưa hiệu quả.
Kém	Phối hợp các bên liên quan để lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ chưa đầy đủ Chưa thiết kế được công cụ đánh giá trẻ. Chưa vận dụng các phương pháp, công cụ vào đánh giá sự phát triển của trẻ nhưng không hiệu quả. Chưa vận dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Chưa chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ.
Yếu	Chưa phối hợp các bên liên quan để lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ. Chưa thiết kế được công cụ đánh giá trẻ. Chưa vận dụng các phương pháp, công cụ vào đánh giá sự phát triển của trẻ nhưng không hiệu quả. Chưa vận dụng kết quả đánh giá vào điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Chưa chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ.

Bảng 4: Năng lực lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Năng lực lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ	Giảng viên (N=19)		Sinh viên (N=478)	
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Xác định được đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá	3.84	0.69	3.49	0.94
Xác định mục tiêu đánh giá	3.89	0.32	3.31	0.96
Xác định lĩnh vực phát triển cần đánh giá	3.26	0.56	3.31	1.02
Phối hợp các bên liên quan để xây dựng kế hoạch đánh giá	3.00	0.33	3.31	1.02
Điểm trung bình	3.50		3.36	

Thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên đánh giá theo 5 mức độ: Yếu, Kém, Trung bình, Khá, Tốt (xem Bảng 3).

2.2.2. Thực trạng năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

a. Thực trạng năng lực lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Kết quả đánh giá của giảng viên và sinh viên về năng lực lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên đạt mức độ trung bình và khá (điểm trung bình của sinh viên = 3.36 và điểm trung bình của giảng viên = 3.5) (xem Bảng 4). Trong đó, “Xác định được đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá”,

“Xác định mục tiêu đánh giá” đều được giảng viên và sinh viên đánh giá cao nhất. Kết quả phỏng vấn giảng viên cho rằng: “Xác định được đối tượng, địa điểm, thời gian đánh giá” và “Xác định mục tiêu đánh giá là tiêu chí quan trọng. Do đó, trong quá trình dạy học, giảng viên hướng dẫn và cho sinh viên thực hành bài tập tại lớp và ở trường mầm non. Thông qua đó, chúng tôi nhận thấy, sinh viên đã xác định mục tiêu đánh giá theo phẩm chất, năng lực của trẻ một cách cụ thể và đo lường được”. Về phía sinh viên: “Xác định đối tượng giúp tôi biết rõ mục tiêu đánh giá là ai. Điều này giúp tôi tập trung vào việc thu thập thông tin và đánh giá mức độ phát

Bảng 5: Năng lực thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Năng lực thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được trẻ	Giảng viên (N=19)		Sinh viên (N=478)	
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Tuân thủ quy trình đánh giá theo tiến trình đã lập kế hoạch	3.16	0.38	3.50	1.06
Thực hiện quan sát, ghi chép, đánh giá chính xác và tin cậy	3.05	0.41	3.73	0.96
Sử dụng công cụ để thu thập thông tin	3.05	0.23	3.65	1.04
Giải thích thông tin đánh giá thu được	3.00	0.58	3.53	0.96
Điểm trung bình	3.07		3.60	

Bảng 6: Năng lực sử dụng kết quả đánh giá trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Năng lực sử dụng kết quả đánh giá	Giảng viên (N=19)		Sinh viên (N=478)	
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Xác định các mục tiêu phát triển dựa trên kết quả đánh giá.	3.05	0.23	3.13	1.07
Lập kế hoạch giáo dục tiếp theo phù hợp với trẻ.	3.05	0.41	3.04	1.07
Điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học.	3.11	0.32	2.94	1.07
Sắp xếp môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu, sở thích, năng lực của trẻ.	3.00	0.33	2.89	1.09
Điểm trung bình	3.05		3.00	

triển của trẻ một cách đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên, năng lực “Phối hợp các bên liên quan để xây dựng kế hoạch đánh giá” được giảng viên và sinh viên đánh giá thấp nhất (điểm trung bình giảng viên = 3, điểm trung bình sinh viên = 3.31). Giảng viên cho rằng: “Đây là một trong những hạn chế của sinh viên bởi vì họ chưa có điều kiện, thời gian thu thập thông tin đầy đủ từ phía trẻ, phụ huynh, giáo viên để xây dựng kế hoạch đánh giá trẻ”.

b. Thực trạng năng lực thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy, có sự chênh lệch điểm năng lực thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được trẻ giữa giảng viên và sinh viên. Giảng viên đánh giá mức độ trung bình (điểm trung bình = 3.07), sinh viên đánh giá mức độ khá (điểm trung bình = 3.6). Peterson và Elam (2020), Wixson (2021) cho rằng, thực hiện đánh giá là một trong những năng lực khó, đòi hỏi kỹ thuật

quan sát và ghi chép cẩn thận, tinh tế, khách quan. Khi phỏng vấn giảng viên cho rằng: “Sinh viên hiện chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế do đó thực hiện đánh giá, xử lý, phân tích thông tin đánh giá gặp rất nhiều khó khăn”. Trong đó, năng lực “Tuân thủ quy trình đánh giá theo tiến trình đã lập kế hoạch” được giảng viên đánh giá cao nhất điểm trung bình = 3.16, thấp nhất “Giải thích thông tin đánh giá thu được” (điểm trung bình = 3). Ở sinh viên, họ đánh giá cao năng lực “Thực hiện quan sát, ghi chép, đánh giá chính xác và tin cậy” (điểm trung bình = 3.73), thấp nhất “Tuân thủ quy trình đánh giá theo tiến trình đã lập kế hoạch” (điểm trung bình = 3) và “Giải thích thông tin đánh giá thu được” (điểm trung bình = 3.53). Như vậy, năng lực “Tuân thủ quy trình đánh giá theo tiến trình đã lập kế hoạch” giữa giảng viên và sinh viên có đánh giá mâu thuẫn với nhau. Kết quả này xuất phát từ quan niệm và nhận thức của sinh viên. Sinh viên có thể có những mong đợi khác nhau về quy trình đánh giá và cách thức thực hiện nó. Điều này dẫn đến sự không đồng nhất trong cách

mà giảng viên và sinh viên đánh giá khả năng tuân thủ quy trình. Tuy nhiên, cả giảng viên và sinh viên đều đồng tình năng lực “Giải thích thông tin đánh giá thu được của sinh viên” vẫn còn hạn chế. Giảng viên cho rằng: “Tôi cho rằng, việc giải thích thông tin đánh giá là một kỹ năng quan trọng mà sinh viên cần phát triển. Đây là cơ hội để họ thể hiện sự hiểu biết và sự tiến bộ của mình trong quá trình học tập”.

c. Thực trạng năng lực sử dụng kết quả đánh giá trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Cả giảng viên và sinh viên đều cho rằng, năng lực sử dụng kết quả đánh giá đạt mức độ trung bình (điểm trung bình giảng viên = 3.05, điểm trung bình sinh viên = 3) (xem Bảng 6). Kết quả này phản ánh thực trạng chung vì đây là năng lực khó, đòi hỏi sinh viên cần có nhiều thời gian, kinh nghiệm làm việc với trẻ tại trường mầm non. Qua đó, sinh viên sử dụng kết quả một cách hiệu quả vào xây dựng kế hoạch và môi trường giáo dục phù hợp với trẻ. Trên thực tế, thông qua các sản phẩm đánh giá như phiếu đánh giá trẻ, phiếu quan sát trẻ... của sinh viên tại trường mầm non cho thấy, sinh viên có thực hiện nhưng chưa biết cách làm thế nào để sắp xếp môi trường và lập kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ. Đề xuất kế hoạch rất chung chung, rập khuôn. Điều này cho thấy, sinh viên chưa kết nối kiến thức các học phần vào sử dụng kết quả đánh giá nhằm điều chỉnh kế hoạch giáo dục tiếp theo.

d. Thực trạng năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy, năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh của sinh viên ngành Giáo dục mầm non đạt mức độ trung bình (điểm trung bình giảng viên = 3.03, điểm trung bình sinh viên = 2.77). Trong đó, năng lực Xác định thông tin cần thông báo với trẻ, phụ huynh đạt điểm trung

bình cao nhất ở cả giảng viên và sinh viên (điểm trung bình giảng viên = 3.05, điểm trung bình sinh viên = 2.9), năng lực Cung cấp các gợi ý và hướng dẫn để hỗ trợ sự phát triển của trẻ đạt mức điểm thấp nhất (điểm trung bình giảng viên = 2.95, điểm trung bình sinh viên = 2.77). Kết quả phỏng vấn giảng viên cho rằng: “Sinh viên còn hạn chế thời gian khi trao đổi thông tin với phụ huynh. Một số sinh viên chưa tự tin khi giao tiếp với phụ huynh, do đó hạn chế trao đổi, chia sẻ thông tin với phụ huynh về trẻ. Sinh viên đang trong quá trình học tập và đào tạo, mặc dù đã được cung cấp kiến thức cơ bản và đánh giá trẻ, tuy nhiên sinh viên vẫn cần thời gian để tích lũy kinh nghiệm thực tế và phát triển kỹ năng”. Sinh viên, cho rằng: “Năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh đòi hỏi phải có thời gian làm việc trực tiếp tại trường mầm non để có thể chia sẻ, trao đổi với phụ huynh về kết quả đánh giá trẻ”.

e. Phân tích mối liên hệ của thang đo với yếu tố trường, kết quả học tập, năm học

Bảng 8 cho thấy, yếu tố Trường và điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê vì $p = .054$ ($p > 0.05$). Năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có điểm trung bình cao nhất là 3.38 độ và lệch chuẩn là 0.53. Trường Đại học Sư phạm Huế có điểm trung bình thấp hơn (Mean=3.22, Std=0.56). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có điểm trung bình thấp nhất (Mean=3.21, Std=0.59) (xem Biểu đồ 1).

Yếu tố Số năm học có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ($p = .000$). Sinh viên năm thứ 4 có điểm năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ cao hơn sinh viên học năm thứ 3, bởi vì sinh viên năm thứ 4 đã trải qua nhiều năm học do đó tích lũy được kiến thức và kỹ năng nhiều hơn so với sinh viên

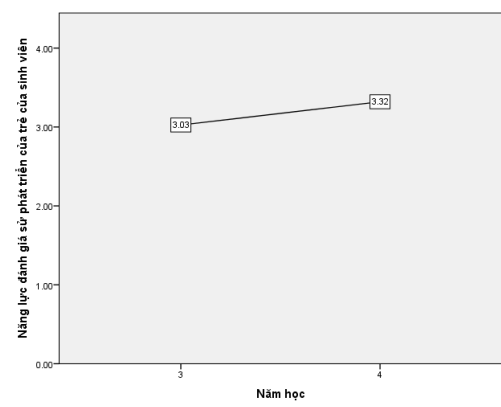
Bảng 7: Năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh.	Giảng viên (N=19)			
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Xác định thông tin cần thông báo với trẻ, phụ huynh.	3.05	0.23	2.9	1.1
Chia sẻ kết quả đánh giá.	3.05	0.23	2.74	1.07
Lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ phụ huynh.	3.05	0.23	2.77	1.11
Cung cấp các gợi ý và hướng dẫn để hỗ trợ sự phát triển của trẻ.	2.95	0.23	2.67	1.14
Điểm trung bình	3.03		2.77	

Bảng 8: Kết quả phân tích mối liên hệ giữa thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ với các biến học tập

Biến số	Số trường hợp	Trung bình (Độ lệch chuẩn)	Trị số P
Trường			.054^b
Đại học Sư phạm Huế	158	3.22(.56)	
Đại học Sư phạm Hà Nội	155	3.38(.53)	
Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	165	3.21(.59)	
Năm học			.000^a
3	237	3.02(.38)	
4	241	3.32(.46)	
Điểm Trung bình			.089^b
Từ 1,0 đến dưới 2,0	2	3.59(.50)	
Từ 2,0 đến dưới 2,5	272	3.09(.53)	
Từ 3,2 đến dưới 3,6	97	3.33(.61)	
Từ 3,6 đến 4,0	107	3.22(.56)	

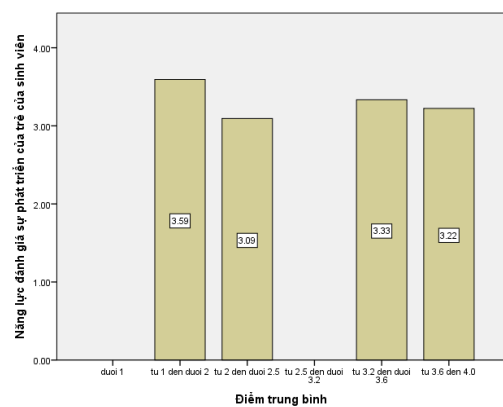
^a Kiểm định t mẫu độc lập (Independent Samples Test); ^b Phân tích One Way ANOVA



Biểu đồ 1: Mô tả mối tương quan giữa biến năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên và biến năm học

năm thứ 3. Ngoài ra, sinh viên năm thứ 4 có nhiều kinh nghiệm thực tế hơn trong lĩnh vực đánh giá sự phát triển của trẻ bởi sinh viên năm thứ 4 đã thực tập tại các trường mầm non với khung thời gian dao động từ 8-12 tuần liên tục tại các trường mầm non (xem Biểu đồ 2).

Yếu tố Điểm trung bình và điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên không có sự khác biệt giữa các nhóm vì $p = .089 > 0.05$. Kiểm định Bonferroni chỉ ra rằng, không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê kê giữa nhóm điểm trung



Biểu đồ 2: Mô tả mối tương quan giữa biến năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên và biến điểm trung bình

bình từ 1 đến dưới 2 với các nhóm từ 2 đến dưới 2.5, nhóm từ 3.2 đến dưới 3.6, từ 3.6 đến 4 và ngược lại ($p > 0.05$). Có sự khác biệt ý nghĩa giữa hai nhóm "từ 2 đến dưới 2.5" và nhóm "từ 3.2 đến dưới 3.6" (Sig. = 0.002). Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, nhóm sinh viên có điểm trung bình từ 3.2 đến 3.6 có mức độ kiến thức và kỹ năng cao hơn trong lĩnh vực đánh giá trẻ so với nhóm sinh viên có điểm trung bình từ 2 đến 2.5. Thứ hai, kỹ năng thực hành đánh giá trẻ. Sinh viên trong nhóm "từ 3.2 đến dưới 3.6" có kỹ năng thực hành đánh giá trẻ tốt

hơn so với sinh viên trong nhóm “từ 2 đến dưới 2.5”. Điều này được chứng minh qua kết quả của các hoạt động như phiếu thực hành quan sát và đánh giá trẻ tại trường mầm non, các bài tập sinh viên đã thực hiện trên lớp. Khả năng quan sát, ghi chú, đánh giá và đưa ra nhận xét chính xác và đầy đủ về phát triển và hành vi của trẻ. Bên cạnh đó, sinh viên còn có khả năng phân tích và suy luận tốt hơn trong việc đánh giá trẻ. Điều này giúp sinh viên phân loại và đưa ra nhận định sâu sắc về phát triển và hành vi của trẻ và đặt các mối quan hệ logic giữa các thông tin quan sát từ đó đề xuất kế hoạch dạy học phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ.

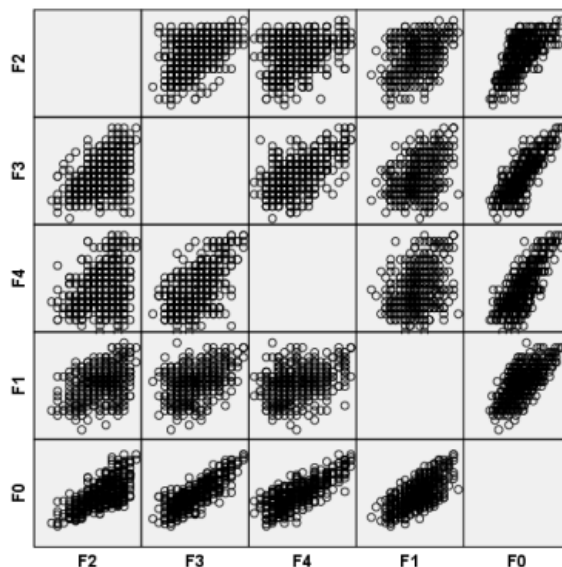
f. Phân tích tương quan giữa biến điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên với các nhân tố

Phân tích tương quan giữa biến điểm thang đo năng lực với các yếu tố (biến phụ thuộc F0): Lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ (F1); Thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được (F2), Sử dụng kết quả đánh giá (F3); Thông báo kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ (F4) (biến độc lập là F1, F2, F3, F4).

g. Kiểm định tính chuẩn của phân bố điểm của các nhân tố

Biểu đồ Scatter mô tả tương quan giữa điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên với các nhân tố F1, F2, F3, F4 (xem Biểu đồ 3) cũng như mô tả tương quan giữa các nhân tố này với nhau.

Nhận xét: Điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên (F0) có tương quan thuận với các nhân tố Lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ (F1), Thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được (F2), Sử dụng kết quả đánh giá (F3), Thông báo kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ (F4) ($r > 0$). Cụ thể, biến F2 có mức tương quan dương và đáng kể với biến F3 (0.428), F4 (0.278), F1 (0.368) và F0 (0.678). Điều này cho thấy, có một mức tương quan tương đối mạnh giữa biến



Biểu đồ 3: Mô tả tương quan giữa điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên với các nhân tố F1, F2, F3, F4

F2 và các biến khác. Tương tự, biến F3, F4, F1 và F0 cũng có mức tương quan dương và đáng kể với nhau và với các biến còn lại. Biến F3 có mức tương quan cao nhất với F0 (0.830), theo sau là F1 (0.440) và F4 (0.598). Điều này cho thấy mối quan hệ mạnh mẽ giữa F3 và các biến khác, đặc biệt là F0. Sự tương quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0.01$).

Dựa trên kết quả phân tích mối tương quan giữa các biến học tập với năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên cho thấy năng lực học tập của sinh viên được thể hiện qua kết quả học tập và thời gian học của sinh viên là hai yếu tố chính dẫn đến sự khác biệt về năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên. Ngoài ra, yếu tố trường sinh viên đang theo học cũng có ảnh hưởng đối với sự phát triển năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên. Tất cả yếu tố (F1, F2, F3, F4) đều có mối tương quan dương và mạnh với điểm thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ. Mối tương quan mạnh nhất là giữa F3 (Sử dụng kết quả đánh giá) và F0, với hệ số

Bảng 9: Kết quả phân tích tương quan

Điểm trung bình thang đo năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ (F0)	Điểm tổng thang đo			
	Lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ (F1)	Thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được (F2)	Sử dụng kết quả đánh giá (F3)	Thông báo kết quả đánh giá với phụ huynh, trẻ (F4).
Hệ số tương quan Pearson	.696**	.678**	.830**	.782**
Trị số p	.000	.000	.000	.000

tương quan 0.830. Tất cả các mối tương quan đều có ý nghĩa thống kê cao. Điều này cho thấy các yếu tố này thực sự có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ. Do đó, chú trọng vào việc nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và phân tích đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và thông báo kết quả một cách hiệu quả sẽ đóng góp quan trọng vào việc phát triển năng lực đánh giá của sinh viên.

3. Kết luận

Năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non đạt mức độ trung bình. Trong đó, năng lực lập kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên đạt mức độ điểm cao nhất, năng lực thông báo kết quả đánh giá với trẻ, phụ huynh đạt mức độ điểm thấp nhất. Riêng năng lực thực hiện đánh giá và xử lý, phân tích thông tin đánh giá thu được trẻ của sinh viên đánh giá đạt mức độ khá, giảng viên đánh giá mức độ trung bình. Kết

quả phân tích là một trong các cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch dạy học, hướng dẫn và hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng quan sát, ghi nhận, phân tích và đánh giá trẻ của sinh viên. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong quá trình đào tạo sinh viên sư phạm giáo dục mầm non tạo ra mối liên hệ chặt chẽ với kết quả học tập và thời gian học của sinh viên. Do đó, để đánh giá sự phát triển của trẻ, sinh viên cần xem xét kết quả học tập của mình, thời gian học tập tại trường và cách thức đã được đào tạo trong ngành Sư phạm Giáo dục mầm non. Hạn chế của nghiên cứu là chỉ mới thực hiện tại 3 trường Đại học Sư phạm trọng điểm ở Việt Nam và lấy ý kiến từ giảng viên và sinh viên. Do đó, cần tiếp tục khảo sát ở từng miền và khảo sát lấy ý kiến từ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non là đối tượng sử dụng kết quả đào tạo sinh viên ngành Giáo dục mầm non để đánh giá sâu hơn về thực trạng năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Hà Nội.
- Brodie, K. (2013). *Observation, Assessment and Planning In The Early Years-Bringing It All Together: Bringing it all together*, McGraw-Hill Education (UK).
- Clark, P., & McDowel, G. (2012). *The Developing Child Observation Guidebook*, McGraw-Hill Companies.
- Dubiel, J. (2016). *Effective assessment in the early years foundation stage*, Sage Publications.
- Gullo, D. F. (2005). *Understanding assessment and evaluation in early childhood education* (Vol. 95), Teachers College Press.
- GOZUM, A. I. C., Gungor, S., & ALTINKAYNAK, S. O. (2021). Investigation of Child Assessment in Preschool Education Using Nominal Focus Group Technique, *International Online Journal of Educational Sciences*, 13(1).
- Lê Thị Thanh Thảo. (2023). Thực trạng hoạt động đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại một số trường mầm non ở quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 20(10) tr.1860-1872.
- McAfee, O., & Leong, D. (2007). *Assessing and guiding young children's development and learning* (4th ed.), Boston, Mass. Pearson Allyn & Bacon.
- National Association for the Education of Young Children. (2020). *Professional Standards and Competencies for Early Childhood Educators*, https://www.naeyc.org/sites/default/files/globally-shared/downloads/PDFs/resources/position-statements/standards_and_competencies_ps.pdf
- North Dakota Department of Human Services, *North Dakota Core Competencies for Early Education and Care Practitioners*, https://www.ndgrowingfutures.org/files/pdf/nd_core_competencies.pdf
- Office of Early Childhood Development, Virginia Department of Social Services. (2008). *Competencies for Early Childhood Professionals. Virginia's Early Childhood Development Alignment Project*, <https://va-itsnetwork.org/wp-content/uploads/2022/05/VA-Competencies-for-Early-Childhood-Professionals.pdf>.
- Peterson, G., & Elam, E. (2020). *Observation and Assessments in Early Childhood Education*, Santa Clarita: Zero Cost Textbooks.
- Trung tâm Từ điển học. (2015). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.1037.
- Trần Khánh Đức. (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- U.S. Department of Health and Human Services, Administration for Children and Families, Office of Head Start. (2019). *Ongoing Child Assessment: A Guide for Program Leaders*, Washington, DC.
- UNESCO and SEAMEO. (2018). *Early Childhood Care and Education (ECCE) Teacher Competency Framework for Southeast Asia (SEA)*, United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265271>.
- Vương Thị Luận. (2015). Rèn luyện kỹ năng quan sát, đánh giá trẻ cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt. tr.34-46.
- Wixson, J. (2021). *Observation and Assessment*, ECE 200: Introduction to Early Childhood Education.
- Worham, S. C., & Hardin, B. (2020). *Assessment in early childhood education*
- Yamane, T. (1967). *Statistics, an introductory Analysis 2nd Edition: Horper and Row*, New York.